

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 07-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Phi Long
- Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Bà Long Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Ú sinh năm 1962; trú tại: ấp L, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

+ *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Bà Hà Thị C sinh năm 1995; trú tại: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Tuyết M sinh năm 1990; trú tại: khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú là bà Hà Thị C trình bày:

Bà Lâm Thị Tuyết M có tham gia góp hụi với ông Nguyễn Văn Ú, hụi do ông Ú làm chủ hụi gồm 06 dây hụi, cụ thể như sau:

- Hụi mở ngày 26/3/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, có 26 thành viên tham gia, bà M tham gia 01 phần. Bà Minh L hụi đầu tiên và còn nợ ông Ú 10 lần. Hụi kết thúc vào 04/4/2021 âm lịch. Hiện nay bà M có nợ tiền hụi của ông Ú 10 lần x 2.000.000 đồng là 20.000.000 đồng;

- Hụi mở ngày 29/11/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, có 35 thành viên tham gia, bà M tham gia 01 phần. Bà Minh L hụi lần thứ 5 và còn nợ ông Ú 27 lần. Hụi kết thúc vào 29/9/2023 âm lịch. Hiện nay bà M có nợ tiền hụi của ông Ú 27 lần x 2.000.000 đồng là 54.000.000 đồng;

- Hụi mở ngày 29/11/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, có 35 thành viên tham gia, bà M tham gia 01 phần. Bà Minh L hụi lần kỳ thứ bảy và còn nợ ông Ú 23 lần. Hụi kết thúc vào 29/9/2023 âm lịch. Hiện nay bà M có nợ tiền hụi của ông Ú 23 lần x 2.000.000 đồng là 46.000.000 đồng;

- Hụi mở ngày 04/5/2021 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, có 36 thành viên tham gia, bà M tham gia 01 phần. Bà Minh L hụi đầu tiên và còn nợ ông Ú 34 lần. Hụi kết thúc vào 04/4/2024 âm lịch. Hiện nay bà M có nợ tiền hụi của ông Ú 34 lần x 2.000.000 đồng là 68.000.000 đồng;

- Hụi mở ngày 04/5/2021 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, có 36 thành viên tham gia, bà M tham gia 01 phần. Bà Minh L hụi lần thứ ba và còn nợ ông Ú 33 lần. Hụi kết thúc vào 04/3/2024 âm lịch. Hiện nay bà M có nợ tiền hụi của ông Ú 33 lần x 2.000.000 đồng là 66.000.000 đồng;

- Hụi mở ngày 06/4/2021 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, có 30 thành viên tham gia, bà M tham gia 01 phần. Bà Minh L hụi lần thứ ba và còn nợ ông Ú 27 lần. Hụi kết thúc vào 06/8/2023 âm lịch. Hiện nay bà M có nợ tiền hụi của ông Ú 27 lần x 2.000.000 đồng là 54.000.000 đồng;

Nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bà M trả cho ông Ú số tiền hụi tổng cộng là 308.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với bị đơn Lâm Thị Tuyết M:* Toà án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án số 244/TB-TLVA ngày 14/10/2024; thông báo về phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải số 96/TB-TA ngày 14/10/2024; thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên bà M đã bỏ nơi cư trú tại khóm A, phường A, thị xã D và cũng không có ý kiến gửi cho Toà án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ. Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật, phiên toà được mở lần thứ hai nhưng bà M vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên

đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thực hiện theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các biên nhận ngày 26/3/2019 âm lịch; ngày 29/11/2020 âm lịch; ngày 29/11/2020 âm lịch; ngày 04/5/2021 âm lịch; ngày 04/5/2021 âm lịch và ngày 06/4/2021 âm lịch thể hiện rõ: ngày mở hội, loại hội, thành viên tham gia, số tiền bà M lĩnh hội, số tiền nợ tiền hội và tất cả các biên nhận đều có chữ ký của bà M. Tuy nhiên bị đơn bà M không có ý kiến phản bác về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ú, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án; phiên toà được mở lần thứ hai tuy nhiên bà M tiếp tục vắng mặt không có lý do, là xem như đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ú. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ú và buộc bà M trả cho ông Ú tiền hội còn nợ 308.000.000 đồng. Đối với tiền lãi ông Ú không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn ông Ú khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền hội; bị đơn bà M có địa chỉ cư trú khóm A, phường A, thị xã D. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về việc vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu thể hiện địa chỉ của bà M cư trú tại khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Hiện nay bà M đã thay đổi nơi cư trú, nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới của bà M ở đâu là thuộc trường hợp bị đơn bà M cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên toà hôm nay được mở lần thứ hai nhưng bà M đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ú, Hội đồng xét xử xét thấy: theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn ông Ú cung cấp là 06 biên nhận gồm: ngày 26/3/2019 âm lịch; ngày 29/11/2020 âm lịch; ngày 29/11/2020 âm lịch; ngày 04/5/2021 âm lịch; ngày 04/5/2021 âm lịch và ngày 06/4/2021 âm lịch thể hiện rõ: ngày mở hội, loại hội, thành viên tham gia, số tiền bà M lĩnh hội, số tiền nợ tiền hội và tất cả các biên nhận đều có chữ ký của bà M. Theo lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng bà M kể từ khi tham gia góp hội và lĩnh hội đến nay là ngày 07/02/2025 còn nợ ông Ú tiền hội 308.000.000 đồng. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà được mở lần thứ hai nhưng bà M đều không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ú, cũng như cung

cấp tài liệu, chứng cứ gửi cho Tòa án. Như vậy xem như bà M đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ú, cụ thể: bà M có nghĩa vụ trả cho ông Ú tiền hụi 308.000.000 đồng và tiền lãi không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ú.

[4] Về án phí: ông Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do ông Ú là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét việc trả lại tiền tạm ứng án phí. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.400.000 đồng (308.000.000 đồng x 5% = 15.400.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ú.

Buộc bà Lâm Thị Tuyết M trả cho ông Nguyễn Văn Ú số tiền 308.000.000 đồng. Riêng tiền lãi không xem xét.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Lâm Thị Tuyết M phải chịu 15.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Truyền